

SO SÁNH CẤU TRÚC BẬC HỌC VÀ THỜI LƯỢNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

PGS.TS. ĐỖ NGỌC THỐNG
 Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Phổ thông

Một trong những vấn đề nóng nổi lên gần đây cần nghiên cứu, trao đổi và thảo luận là nên xác định lại hệ thống giáo dục (GD) quốc dân trong đó có hệ thống GD phổ thông (GDPT) như thế nào. Cụ thể là việc xác định số lượng năm học và các bậc học trong giai đoạn GDPT. Giai đoạn này cần 11 năm hay 12 năm hoặc ít hơn hay nhiều hơn các con số vừa nêu. Nhìn chung cho đến nay, trừ ý kiến cực đoan cho rằng thời gian cho giai đoạn GDPT có thể chỉ cần dưới 10 năm, còn lại tập trung vào hai hướng lớn: một là chỉ cần 11 năm và hai là cần 12 năm. Một vấn đề khác liên quan đến cấu trúc bậc học là thời lượng học của học sinh (HS) Việt Nam nhiều hay ít so với các nước?

Việc xác định 11 hay 12 năm cần có những lý lẽ, những căn cứ khoa học mang tính thuyết phục cao, nhìn nhận một cách toàn diện chứ không phải áp đặt theo kinh nghiệm hay thói quen vốn có. Theo chúng tôi, trong khi đi tìm những lý do mang tính thuyết phục thì *một trong những căn cứ* đáng tin cậy, cần xem xét là kinh nghiệm và thực tiễn của các nước trên thế giới. Từ thực tiễn này thống kê, đối chiếu, so sánh, phân tích để rút ra những kết luận cần thiết mang tính xu thế. Bài viết này xin cung cấp trước hết là các thông tin xung quanh vấn đề cấu trúc cấp bậc học và thời lượng GD trong nhà trường phổ thông của một số nước trên thế giới, sau đó là một số phân tích và bình luận. Các thông tin và số liệu ở đây được cập nhật và dựa vào các trang Web của INCA¹, OECD² và UNESCO³ và cuốn *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình GDPT*⁴.

I. VỀ CẤU TRÚC CÁC BẬC HỌC

Vào tiểu mục hệ thống GD (education systems) của Viện Thống kê thuộc UNESCO, chúng ta có thể tìm thấy các số liệu trong bảng thống kê hệ

thống GD của 217 quốc gia⁵, từ năm 1998 đến năm 2011 về các nội dung cơ bản sau:

- Thời gian GD bắt buộc và tuổi bắt đầu GD bắt buộc;
- Tuổi kết thúc GD bắt buộc;
- Tuổi vào tiền học đường và số năm tiền học đường;
- Tuổi vào tiểu học và số năm học tiểu học;
- Tuổi vào THCS và số năm học THCS;
- Tuổi vào THPT và số năm học THPT;
- Tuổi vào học sau bậc THPT và số năm học sau THPT;
- Tháng bắt đầu năm học và tháng kết thúc năm học;
- Năm bắt đầu và năm kết thúc năm học.

Do yêu cầu và mục tiêu của bài viết, chúng tôi đã “nhặt” ra các số liệu trong bảng tổng hợp của UNESCO để thiết lập các bảng đối chiếu theo nhiều góc độ khác nhau. Những số liệu này ưu tiên thống kê vào các năm gần đây nhất, đặc biệt là năm 2011. Dưới đây là một số thông tin theo các bình diện cần tham khảo.

Bảng 1: Số năm GD bắt buộc của các nước

Số năm GD bắt buộc	Số nước thực hiện	Ghi chú
5	5	
6	20	
7	10	
8	20	
9	58	Từ 9 năm trở lên: 148 nước
10	32	Từ 10 năm trở lên: 90
11	18	Từ 11 năm trở lên: 58
12	20	
13	4	
14	2	Puerto Rico và Venezuela
15	1	Netherlands Antilles

⁵ Một số nước không có báo cáo đầy đủ về số liệu.

¹ *International Review of Curriculum and Assessment Frameworks* Internet Archive- www.inca.org.uk

² *Organization for Economic Cooperation and Development* – OECD.org

³ *The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization* - unesco.org

⁴ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

Bảng 2: Số năm GD Tiểu học

Số năm GD Tiểu học	Số nước thực hiện	Ghi chú
3	1	Armenia
4	22	
5	31	
6	126	
7	25	
8	1	Ireland

Bảng 3: Số năm GD Trung học cơ sở (THCS)

Số năm GD THCS	Số nước thực hiện	Ghi chú
2	21	
3	107	
4	59	
5	15	
6	3	Lithuania, Germany, Palestin

Bảng 4: Số năm GD trung học phổ thông (THPT)

Số năm GD THPT	Số nước thực hiện	Ghi chú
1	1	Philipin
2	67	
3	87	
4	48	
5	4	

Bảng 5: Tổng số năm học giai đoạn phổ thông

Số năm GD THPT	Số nước thực hiện	Ghi chú
10	6	Armenia, Turkmenistan, Democratic People's Republic of Korea, Philippines, Singapore, Gibraltar
11	32	10+11 năm có 38 nước
12	118	12 năm trở lên: 169 nước
13	50	
14	01	Iceland
	207 quốc gia	Một số nước không có số liệu

Bảng 6: Số năm học phổ thông của các nước Đông Nam Á

Số năm GD THPT	Nước thực hiện (cấu trúc ba bậc học)
10	Philippines (6-3-1); Singapore (6-2-2)
11	Lào (5-3-3); Myanma(5-4-2);
12	Cambodia (6-3-3); Indonesia (6-3-3); Thailand (6-3-3); Timor leste (6-3-3); Vietnam (5-4-3)
13	Malaysia (6-3-4); Brunei (6-2-5)

Bảng 7a: Cấu trúc bậc học của các nước

Số năm/ số nước	Các kiểu cấu trúc bậc học:Tiểu học/ THCS /THPT (ví dụ)
10 (6) 4 kiểu	3-5-2 (Armenia); 4-3-3 (Democratic People's Republic of Korea); 6-3-1 (Philippines) 6-2-2 (Singapore)
11 (32) 7 kiểu	6-2-3 (Sudan); 4-5-3 (Belarut); 4-4-3 (Bungaria); 4-5-2 (Mondova); 5-3-3 (Turkey); 5-4-2 (Mogolia); 6-3-2 (Tokelan)
12 (118) 11 kiểu	5-4-3 (Algeria); 6-3-3 (Egypt); 6-4-2 (Jordan); 5-3-4 (Palau) 4-6-2 (Palestin); 4-5-3 (Syrian); 4-4-4 (Croavatia); 6-2-4 (Mashall Island); 7-3-2 (Anguilla); 5-5-2 (Pakistan); 7-2-3 (South Africa)
13 (50) 7 kiểu	6-2-5 (Brunei); 6-3-4 (Tunisia); 5-4-4 (Bosnia); 4-5-4 (Slovakia) ;7-4-2 (Australia); 6-4-3 (Cook Island); 7-2-4 (Zimbabwe)
14 (1) 1 kiểu	7-3-4 (Iceland)

Bảng 7b: Số nước của 11 kiểu bậc học (loại Chương trình 12 năm)

12 (118) 11 kiểu	5-4-3 (12); 6-3-3 (49); 6-4-2 (12); 5-3-4 (6); 4-6-2 (2); 4-5-3 (1); 4-4-4 (6); 6-2-4 (12); 7-3-2 (15); 5-5-2 (1); 7-2-3 (2)
---------------------	--

Bảng 8: Tuổi vào học Tiểu học

Độ tuổi	5	6	7	Ghi chú
Số nước	21	132	45	198 nước

Bảng 9: Tuổi học xong THPT (80 quốc gia có thống kê)

Độ tuổi	15	16	17	18	19	20
Số nước	8	8	20	27	20	4
Tổng	9		20	27	24	

Nhận xét: Nhìn vào các bảng thống kê trên, có thể thấy:

1) Số nước có 12 năm cho giai đoạn GDPT chiếm ưu thế. Số nước này là **118/198** nước. Nếu tính từ 12 năm trở lên sẽ là **169/198** nước trong khi đó chỉ **32/198** nước 11 năm, nếu tính cả nước 10 năm cũng chỉ có **38/198** nước. Như thế, số nước từ 12 năm trở lên chiếm ưu thế hơn gấp **4,4** lần so với số nước từ 11 năm trở xuống.

2) Cấu trúc các bậc học trong giai đoạn này rất đa dạng và phong phú. Bậc **Tiểu học** với thời gian 6 năm chiếm số lượng lớn nhất 126 nước, sau đó là 5 năm chiếm 31 nước. Số 3 năm ít nhất có 1 nước và số 8 năm có 1 nước. Với **THCS** số 3 năm nhiều nhất 107 nước, sau đó là 4 năm có 59 nước. Với **THPT** số nước học 3 năm nhiều nhất là 87 và sau đó là 2 năm có 67 nước.

Trong loại Chương trình 12 năm thì **cấu trúc bậc học 6-3-3** có số nước theo nhiều nhất (**49**). Số nước có cấu trúc bậc học giống Việt Nam hiện hành (5-4-3) là 12; giống số nước có cấu trúc 6-4-2 và 6-2-4 (đều 12 nước).

3) Trong khu vực Đông Nam Á: 5/11 nước có 12 năm và 2/11 nước có 11 năm GDPT; 2/11 nước có 10 năm và 2/11 nước có 13 năm. Như vậy, số nước có **12 năm** dành cho GDPT trở lên vẫn chiếm ưu thế: **7/11** so với **4/11** nước có **11 năm** trở xuống. Trong 11 nước Đông Nam Á thì có 8 nước tiểu học 6 năm, chỉ 03 nước (Việt Nam, Lào và Myanma) là tiểu học 5 năm.

4) Tuổi học xong bậc THPT: 18 tuổi chiếm số đông nhất (27/80 nước); thứ hai là 17 tuổi có 20/80 nước. Có 4/80 nước tuổi học xong THPT là 20 tuổi và ít nhất 15 tuổi có 1 nước. Như vậy, nếu tính độ tuổi tốt nghiệp THPT từ 18 trở lên có 51/80 và tuổi từ 17 trở xuống có 29/80 nước. Thống kê này cho thấy HS học xong giai đoạn phổ thông vào độ tuổi 18 nhìn chung chiếm ưu thế. Điều này phù hợp với độ tuổi trưởng thành công dân chính thức theo luật của nhiều nước. Và như thế với phần lớn các nước có độ tuổi vào lớp 1 là 6 thì giai đoạn GDPT là phải 12 năm.

II. SO SÁNH THỜI LƯỢNG HỌC TẬP

So sánh thời lượng học tập của HS trong nhà

trường phổ thông là một việc rất cần thiết nhưng không hề đơn giản. INCA đã tổng kết thời gian học của 21 nước theo các phương diện sau: số ngày học của 1 năm; số ngày nghỉ và các kì nghỉ vào giai đoạn nào; số tiết trong tuần; số ngày đi học trong tuần, thời gian bắt đầu học và kết thúc trong ngày, độ dài của tiết học cho mỗi cấp... Dưới đây chúng tôi chỉ nêu một số thông tin cần thiết.

Bảng 10: Số ngày / tuần học trong 1 năm

STT	Tên quốc gia	Số ngày học/năm	Ghi chú
1	Anh Quốc	190 ngày	
2	Ai rơ len	183 ngày	
3	Bắc Ai rơ len	200 ngày	
4	Scốt len	190 ngày (min)	
5	Xứ Wales	190 ngày	
6	Pháp	180 ngày	
7	Đức	188-208 ngày	
8	Hungari	185 ngày	
9	Italia	200 ngày	
10	Hà Lan	200 ngày	
11	Tây Ban Nha	175-180 ngày	
12	Thụy Điển	40 tuần (200 ngày)	1 tuần học 5 ngày
13	Thụy Sĩ	38 tuần (228 ngày)	1 tuần học 6 ngày
14	Úc	200 ngày	
15	Canada	180 – 200 ngày	
16	Nhật Bản	35 tuần (175 ngày)	1 tuần học 5 ngày
17	Hàn Quốc	220 ngày	
18	Niu-Di-lân	190-197 ngày	
19	Singapore	40 tuần (200 ngày)	1 tuần học 5 ngày
20	Nam Phi	195-200 ngày	
21	Hoa Kỳ	180 ngày	
22	Việt Nam	210 ngày 175 ngày (tiểu học)	35 tuần x 6 ngày Tiểu học 5 ngày/ tuần

- Nhân xét chung: các nước có thời lượng học khá đa dạng.

+ Số lượng ngày học/tuần: Nhật Bản học **ít nhất 35 tuần** (175 ngày); Thụy Sĩ học **nhiều nhất: 228 ngày**

+ Năm học chia làm 3 (các nước Âu - Mĩ) hoặc 4 học kì (Australia, New Zealand, Singapore; South Africa) khác nhau: kì dài nhất là từ giữa tháng 8- giữa tháng 12; sau đó là kì từ tháng 1 - 2 và kì từ tháng 4 - 6. Kì nghỉ dài nhất thường tháng giữa tháng 6 - giữa tháng 8 (từ 5 tuần - Thụy Điển - 13 tuần-Italia). Riêng Hàn Quốc nghỉ 70 ngày, từ giữa

tháng 12 đến tháng 2; Nam Phi nghỉ từ cuối tháng 10 đến tháng 2...

+ Số ngày học của Việt Nam nhìn chung không chênh lệch (ít hoặc nhiều): 10 nước **dưới 200** ngày; 9 nước **200 ngày**, 2 nước **hơn 200** ngày (Hàn Quốc: 220 và Thụy Sĩ: 228) Việt Nam: **210** ngày. Tuy nhiên, cần thấy các nước đều học 2 buổi/ ngày nên số giờ được dàn đều, không gây căng thẳng, quá tải như Việt Nam (học 1 buổi/ ngày).

Hơn nữa, số giờ học cần tính theo 1 loại đơn vị thì mới có thể thấy được số lượng giờ học trên lớp của các nước chênh nhau như thế nào. Sau đây là

Bảng 11: Số tiết học trong tuần và độ dài của tiết học⁶

STT	Tên nước	Số tiết/tuần	Độ dài tiết	Thời gian
1	Anh	- min 22t (5-7 tuổi) - 23,5t (7-11 t) - 24t (11-14 t) - 25t (14-16 t)	Khác nhau	9g sáng - 3g 30 chiều
2	Airolen	- 915t /năm (6- 12); (40 tiết/tuần)	30 phút 35-45 phút	9g sáng - 3g 30 chiều
3	Bắc Ai rơ len	- 3t/ngày (8 t) - 4,5t/ngày (8 t +)	Đa dạng	9g sáng - 3g 30 chiều
4	Scốtlen	- 25t/tuần (tiểu học) - 27,5t/tuần (TH)	Đa dạng	9g sáng - 3g 30 chiều
5	Xứ Uyên	- 21t (5-7t)min - 23,5t (7-11) - 25t (11-16)	Đa dạng	9g sáng - 3g 30 chiều
6	Pháp	- 26t/tuần (6-11t) - 26-30g/tuần (11-15) - 30-40g/tuần (15-18)	55 phút/t	8/9g sáng -4/5g chiều
7	Đức	-19-29t/tuần(tiểu học) - 28-30t/tuần (10-12t) - 30-32t/tuần(12-16 t)	45phút/t	7g30 sáng -1g30 chiều
8	Hungari	- 20t/tuần (6-9t) max - 22,5t/tuần (9-12t) - 25t/tuần (12-14t) - 27,5t/tuần (14-16t) - 30t/tuần (16 t+)	45phút/t	8g sáng- 2g chiều
9	Italia	- 27t/tuần (tiểu học) - 29t/tuần (THCS) - 29t /tuần (THPT)	60phút/t	Đa dạng
10	Hà Lan	- 3520t/năm (tiểu học) - 3760t /năm (8-12)	50-60 phút/t	9g sáng- 3g 30 chiều
11	Tây Ban Nha	- 25t/tuần (tiểu học) - 30t/tuần (Tr H)	55 phút/t 60 phút/t	9g sáng - 4g30 chiều

⁶ INCA-Table 15.2 Organisation of the school week and day.

12	Thụy Điển	- 6 t/ngày (to 9 t) max - 8 t/ngày (9+) max	Đa dạng	Đa dạng
13	Thụy Sĩ	Đa dạng	Đa dạng	Đa dạng
14	Úc	- 25t/tuần (tiểu học) TB - 27,5/tuần (trung học) TB	Đa dạng	9g sáng- 3g chiều
15	Canada	950t/năm (Anberta)		9g sáng -3g30 chiều
16	Nhật Bản	Min 17-20t/tuần		
17	Hàn Quốc	830-1156 t/năm	40-45 phút/t	8g sáng- 4g chiều
18	Niu-Di-lân	25t/tuần TB		9g sáng -3g30 chiều
19	Singapore		30-40 phút/t	7g30 sáng-1g chiều
20	Nam Phi	- 22,5t/tuần (5-8t) - 25t/tuần (8-9t) - 26,5 t/tuần (9-12t) - 26t/tuần (12-13) - 17,5 t/tuần (13-15) - 27,5t/tuần (15-18t)	Đa dạng	Đa dạng
21	Hoa Kỳ	Đa dạng	Đa dạng	Đa dạng

(Ghi chú: t - tiết; g - giờ)

thống kê của INCA:

Dưới đây là số tiết học của **Việt Nam**⁷

Tiểu học: Lớp 1(22+); Lớp 2&3 (23+); Lớp 4&5 (25+); THCS: Lớp 6 (27+); Lớp 7 (28,5+); Lớp 8 (29,5+); Lớp 9 (29+) THPT: Lớp 10 – 12 (29,5+)

Nhận xét:

+ Phần lớn các nước tính số lượng giờ/tiết học theo độ tuổi: ít nhất hoặc nhiều nhất, theo tuần / năm; ít nhất là hai loại nhiều là 5 loại; **Anh** chia theo độ tuổi với 4 loại: từ **5-7** tuổi học **21,5h**; **7-11** tuổi học **23,5h**; **11-14** tuổi học **24h** và **14-16** tuổi học **25h**. Có thể theo cấp (**Tây Ban Nha**: **25h** /tiểu học và **30h** cho trung học; tuần 5 ngày học và học cả ngày, từ 9- 16h30; **Scotland**: **25h**/tiểu học và **27,5h**

cho trung học); **Bắc Ailen** (ít nhất **3h**/ngày cho HS 8 tuổi và **4,5h** cho HS trên 8 tuổi- tuần 5 ngày học);...

+ Số tiết học của các lớp trong chương trình của Việt Nam nhìn chung không chênh lệch nhiều so với các nước; những nơi học 1 buổi /ngày có thể sẽ quá tải.

Cấp **Tiểu học**: Việt Nam trung bình học **23tiết/tuần**. So với các nước như Anh (24tiết/tuần); Scotlen (27,5tiết/tuần); Pháp (26 tiết/tuần); Đức (19-29tiết/tuần); Italia (27tiết/tuần); Tây Ban Nha và Úc (25tiết/tuần), Nam Phi (22-26tiết/tuần)...

Ở cấp **THCS**: các lớp Việt Nam trung bình học hơn **28 tiết/tuần**. So với một số nước như: Anh (22-23 tiết/tuần); Scotlen (25tiết/tuần); Pháp (26-30 tiết/tuần); Đức (30 tiết/tuần); Italia (29 tiết/

Bảng 12: Số giờ học cho mỗi cấp và trung bình mỗi năm học

Tên nước	Tiểu học	THCS	THPT	Ghi chú
Việt Nam	+2.612 h/5năm + 522 h/năm	+2.992 h/4năm + 748 h /năm	+2.323h/3năm + 774 h/năm	Cả cấp Trung bình
Liên Bang Nga	3148 h/4 năm + 787 h/năm	+4.357 h/5năm + 871 h/ năm		Phương án 1
CH Pháp	1584 h/ 5 năm - 317 h /năm	+ 3038 h/4năm + 759 h/năm	Lớp 10:783h/ năm Lớp 11:751h/ năm	Tiểu học: 26 tuần Trung học: 30 tuần

⁷ Bộ GD&ĐT- Chương trình GDPT – Những vấn đề chung- NXB GD, 2006.

Hàn Quốc	+ 3228 h/6 năm + 538 h/ năm	+ 2.601h/3năm + 867 h/ năm	2.754 h/3 năm 918 h/năm	
Hà Lan	2.933 h/6 năm + 488 h/năm	+ 1.878 h/3năm + 626 h/năm	+1.878 h/3năm + 626 h/năm	
Italia	4.455 h/5năm + 891 h/năm	2.871 h/ 3 năm + 957 h/năm	4.785 h/5năm 957 h/năm	
Tây Ban Nha	4.950 h/ 6 năm + 825 h/năm	4.320 h/4 năm 1080 h/năm	2160 h/2năm 1080 h/năm	
Singapore	+ 6.760h/6 năm + 1.126 h/năm	1.866 h/2 năm + 933 h/năm		
Trung Quốc^a	3.740 h/5 năm 748 h/năm	3.366 h/4 năm + 841 h/năm	2.375 h/3 năm + 791 h/năm	

(Ghi chú: h - giờ)

tuần) ;Tây Ban Nha (30tiết/tuần) và Úc (27,5tiết/tuần).

Tuy nhiên, nếu tính độ dài của tiết học theo đơn vị phút sau đó quy ra giờ (60 phút) thì mới có thể so sánh chính xác. Sau đây là một vài số liệu so sánh chủ yếu là giai đoạn GD bắt buộc (một số nước không cung cấp đủ thông tin).

Nhận xét: Số giờ học 1 năm của Tiểu học cao nhất là Singapore (1.126h), thấp nhất là Pháp (317h); 05 nước hơn 700 h là Trung Quốc, Tây Ban Nha, Italia, Nga và Singapore; 04 nước có giờ thấp là: Hàn Quốc, Hà Lan, Việt Nam và Pháp. Với THCS, cao nhất là Tây Ban Nha (1080 h/năm), thấp nhất là Hà Lan (626h/năm). Việt Nam (748h/năm) tương đương với Pháp, còn lại thấp hơn 7 nước. Ở THPT, tình hình cũng tương tự THCS. Từ bảng 12, kết hợp với các thông tin từ các tài liệu đã nêu, có thể so sánh với 2 bảng sau:

Bảng 13: Thời lượng trung bình mỗi năm của giai đoạn GD bắt buộc

TT	Tên nước	Số giờ
1	Singapore	1078 h/năm
2	Tây Ban Nha	927 h/năm
3	Italia	915 h/năm
4	Hà Lan	860 h/năm
5	Liên Bang Nga	833 h/năm
6	Trung Quốc	789 h/năm
7	Hàn Quốc	647 h/năm
8	Việt Nam	622 h/năm
9	CH Pháp	513 h/năm

Bảng 14: Tổng thời lượng cho cả giai đoạn GD bắt buộc

TT	Tên nước	Tổng số giờ	Số năm GD bắt buộc
1	Tây Ban Nha	9270	10
2	Singapore	8626	8
3	Hà Lan	7744	9
4	Liên Bang Nga	7505	9
5	Italia	7326	8
6	Trung Quốc	7106	9
7	Hàn Quốc	5829	9
8	Việt Nam	5604	9
9	CH Pháp	4622	9

Các số liệu trên cho thấy, thời lượng học tập trên lớp của GDPT Việt Nam không cao so với nhiều nước trên thế giới. Tuy giờ học thấp nhưng vẫn quá tải về thời lượng là do Việt Nam chỉ học 1 buổi/ ngày, thêm vào đó là nhu cầu học thêm, dạy thêm đã tạo ra sự căng thẳng trong vấn đề thời lượng.

Trên đây chỉ nhằm cung cấp số liệu và có một số nhận xét. Từ các thông tin trên, tùy vào mục đích cần tìm hiểu và làm sáng tỏ (vấn đề gì) mà người nghiên cứu có thể khai thác, sử dụng và phân tích để rút ra kết luận cần thiết.

SUMMARY

This article presents key information surrounding structures of learning levels, contact time in schools of select countries, followed by specific analyses and comments.

^a Lớp 10 + 11 học 35 tuần; Lớp 12: 26 tuần